TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **1078**/2023/QĐST-HNGĐ	*Bình Chánh, ngày 05 tháng 12 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 870/2023/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2023 giữa:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Nhà không số, tổ X, ấp O, xã A, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn L**, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Nhà không số, tổ X, ấp O, xã A, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 27 tháng 11 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 27 tháng 11 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn L.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn L thuận tình ly hôn.

Giấy Chứng nhận kết hôn số 15, quyển số: 02/2006, do Ủy ban nhân dân xã Q, huyện T, tỉnh Hưng Yên cấp ngày 16/02/2008 cho Bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn L không còn giá trị pháp lý.

2.2. Về con chung: Quá trình chung sống, bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn L có 03 con chung tên là Nguyễn Thị T (giới tính nữ), sinh năm: 1997, Nguyễn Văn T (giới tính nam), sinh năm: 2000, Nguyễn Thị Hoàng T (giới tính nữ), sinh ngày 17/02/2011. Khi ly hôn, bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn L cùng thống nhất giao trẻ Nguyễn Thị Hoàng T cho bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận việc bà N không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó. Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì lợi ích con chung, sau này các đương sự đều có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

2.3. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn L không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2.4. Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn L xác nhận không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2.5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị N tự nguyện chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng mà bà N đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0020578 ngày 24/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh. Bà Nguyễn Thị N được nhận lại số tiền chênh lệch là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự (2).
- VKSND H. Bình Chánh (2).
- Chi cục THADS H. Bình Chánh (1).
- Ủy ban nhân dân xã Hồ Tùng Mậu, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên (1);
- Lưu VP, hồ sơ vụ án (3).

THẨM PHÁN

Trần Thị Thanh Huyền